

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Cao Thượng
2. Ông Đoàn Trung Tuyển

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giao T tham gia phiên tòa***

Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ; sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm 7, xã B, huyện Giao T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Phan Thị T; sinh năm 1977;

Địa chỉ: Xóm 7, xã B, huyện Giao T, tỉnh Nam Định.

Hiện chị Phan Thị T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: có mặt anh Đ, chị T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/01/2019, bản tự khai ngày 20/02/2019 và tại phiên tòa anh Phạm Văn Đ nguyên đơn trong vụ án trình bày: Anh và chị Phan Thị T tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Bình H, huyện Giao T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 12 năm 1997. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay chị T đang chấp hành án tại trại

giam N. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phan Thị T.

Về con chung anh Đ trình bày: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Ngọc T sinh ngày 10/8/1998 và Phạm Đại Ngh sinh ngày 07/3/2002. Hiện nay cháu T đã trưởng thành lao động tự lập được; còn cháu Ngh: Ngày 23/5/2019 TAND tỉnh N đã xét xử và xử phạt cháu Ngh 14 năm 6 tháng về 2 tội: “Mua bán người” và “Mua bán người dưới 16 tuổi”, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Sau này cháu ra trại nếu như cháu chưa thành niên thì anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 3 năm 2019 và 26 tháng 3 năm 2019 bị đơn là chị Phan Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã B, huyện Giao T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 12 năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó do anh Đ vi phạm pháp luật và phải đi tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, sau khi anh Đ đi chấp hành án được khoảng hơn một năm thì chị cũng bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” sau khi anh Đ chấp hành án về thì đến ngày 30/8/2015 chị được đặc xá, đến ngày 15/6/2016 thì chị lại vi phạm pháp luật và bị xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì, nay anh Đ có đơn ly hôn, chị mong anh Đ suy nghĩ lại, chị không đồng ý với đơn ly hôn của anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Ngọc T sinh ngày 10/8/1998 và Phạm Đại Ngh sinh ngày 07/3/2002. Đối với cháu Tuấn đã trưởng thành chị không có ý kiến gì còn cháu Ngh hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã do chị không nhất trí ly hôn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên Tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Về con chung: Giao anh Đ trực tiếp nuôi cháu Phạm Đại Ngh trong trường hợp cháu trở về địa phương khi chưa đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con anh Đ không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn anh Phạm Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với chị Phan Thị T; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố xóm 7, xã B, huyện Giao T, tỉnh Nam Định, chị T hiện đang chấp hành án tại trại giam N, tỉnh Ninh Bình; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ và chị Phan Thị T tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã B, huyện Giao T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 12 năm 1997 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, còn chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị T xảy ra đã lâu, khi vợ chồng còn chung sống với nhau thì cũng không có biện pháp cải thiện để vợ chồng hạnh phúc. Nay chị T đang chấp hành án phạt tù, tại phiên tòa anh Đ trình bày không thăm gặp chị T do không còn tình cảm.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T không thể tồn tại được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Ngọc T sinh ngày 10/8/1998 và Phạm Đại Ngh sinh ngày 07/3/2002. Đối với cháu Tuân đã trưởng thành lao động tự lập được; còn cháu Nghĩa: tại bản án số 39/2019/HS-ST ngày 23/5/2019 của TAND tỉnh Nam Định đã xử phạt Phạm Đại Ngh 14 năm 6 tháng tù về 2 tội “Mua bán người” và “Mua bán người dưới 16 tuổi” nên Hội đồng xét xử không xem xét đến việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng. Trường hợp sau này cháu Ngh ra trại mà còn ở độ tuổi chưa thành niên, các bên đương sự có yêu cầu người trực tiếp nuôi con, Tòa án sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: anh Đ, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Anh Phạm Văn Đ và chị Phan Thị T.

2. Về án phí ly hôn: Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 000265 ngày 04/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao T (anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phan Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp ĐKKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Ông Ngọc Lễ

